TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 26/6/2026
"V/v: *Ly hôn, tranh chấp con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Hoàng Trí Lý.

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đình Thanh và ông Nguyễn Trọng Khánh.

Thư ký phiên toà: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:

Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 96/2026/TLST - HNGĐ, ngày 18/03/2026; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/06/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn 14, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 14, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25 tháng 03 năm 2026, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 9 năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Ô, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Gia đình hai bên cũng nhiều lần can thiệp, giảng giải cho vợ chồng đi đến hòa thuận nhưng sự việc vẫn không được giải quyết.

Vì những lý do trên, quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm dần đi xuống mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài.

Trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi có hai (02) con chung là:

+ Cháu: PHẠM MINH Đ sinh ngày: 08/10/2006

+ Cháu: PHẠM NGUYỄN KHÁNH D, sinh ngày: 04/01/2009

Cùng nơi thường trú: Thôn 14, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Tôi (Phạm Văn Đ) đề nghị Qúy Tòa cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Đối với cháu Phạm Minh Đ (20 tuổi) chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu Phạm Nguyễn Khánh D (17 tuổi) do bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về trợ cấp nuôi con, chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Đối với với phần trình bày của ông Đ tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai tôi đồng ý và không có ý kiến gì phản bác, tôi xin trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ như sau:

Tôi và ông Phạm Văm Đ có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 9 năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Ô, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến cuối năm 2017 thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong việc chăm sóc và nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Trong thời gian ly thân, ông Đ không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặc dù bản thân tôi cũng đã rất cố gắng để vợ chồng đoàn tụ nuôi con chung, nhưng không thành.

Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ảnh hưởng đến việc học tập của các con cũng như công việc của hai bên. Nay ông Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn thì tôi đồng ý. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết hòa giải cho vợ chồng tôi sớm để tôi ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và ông Đ có 02 con chung: Cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 08/10/2006 và cháu Phạm Nguyễn Duy K, sinh ngày 04/01/2009. Đối với cháu Phạm Minh Đ đã đủ tuổi thành niên, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phạm Nguyễn Duy K, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Vì, nguyện

vọng của cháu K cũng muốn được sống với tôi, nên tôi tôn trọng ý kiến của cháu K. Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi và ông Phạm Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân đúng. Các đương sự chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ. Cho ông Phạm Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Nguyễn Khánh D, sinh ngày 04/01/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết việc hôn nhân, con chung, được Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ, với bà Nguyễn Thị L tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/09/2005, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, tình trạng mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hòa hợp để tiếp tục sống chung, nên

từ năm 2017 cho đến nay không còn sống chung với nhau. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều có nguyện vọng xin được ly hôn, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các bên.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, cả hai có 02 con chung: Cháu Phạm Đức M, sinh ngày: 08/10/2006; Cháu: Phạm Nguyễn Khánh D, sinh ngày: 04/01/2009.

Xét, từ thời điểm sống ly thân 2017 cho đến nay cháu D được bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, học tập bình thường, cả hai bên đều thống nhất tiếp tục giao cháu D cho bà L nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là cháu D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với con chung cháu Phạm Đức M hiện đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

[3]Về án phí: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, Điều 227, Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ.

[1]. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các bên: Ông Phạm Văn Đ với bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao Cháu Phạm Nguyễn Khánh D, sinh ngày: 04/01/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Phạm Văn Đ được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Đ không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002700, ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trí Lý

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7- Đắk Lắk;
- UBND xã Ô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.